

Số: 43 /2015/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 19 tháng 11 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc Khmer**  
**trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 03 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Điều 3,4,5,6,7,8 và Điều 9 Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình tiếng Khmer cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 763/TTr-SGDĐT ngày 25 tháng 5 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép triển khai việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc Khmer cho người dân tộc Khmer có nhu cầu học tiếng nói, chữ viết dân tộc Khmer trong trường tiểu học và trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:



1. Chương trình, thời gian dạy tiếng nói, chữ viết dân tộc Khmer cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở theo quy định tại Thông tư số 24/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điều kiện, chế độ chính sách đối với người dạy và người học; cơ sở vật chất, kinh phí cho việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc Khmer trong trường tiểu học và trường trung học cơ sở thực hiện theo quy định tại Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 03 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Thông tư số 37/2014/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.


Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Người học là người dân tộc Khmer học tiếng Khmer ở trường tiểu học và trung học cơ sở, được nhà trường cho mượn 01 bộ sách giáo khoa tiếng Khmer do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tương ứng với lớp đang học. Việc cho mượn sách, hoàn trả sách sau khi kết thúc năm học, thực hiện theo nội quy thư viện nhà trường. Các trường hợp tự làm hỏng hoặc mất phải bồi thường theo giá quy định.

Về nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước cấp kinh phí lần đầu mua sách cho các trường tiểu học và trung học cơ sở có giảng dạy tiếng Khmer theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Hàng năm, ngân sách nhà nước cấp bổ sung kinh phí mua sách giáo khoa dạy tiếng Khmer trong trường hợp hư hỏng hoặc phát sinh tăng số trường, số lượng học sinh mà trong đó số lượng sách tại cơ sở giáo dục không đủ đảm bảo.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy tiếng nói, chữ viết của dân tộc Khmer theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Ban Dân tộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 của QĐ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- TV. UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P. VHXX, P.NCPC;
- Lưu: VT, Idlinh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



  
**Phạm Vũ Hồng**